

BIỂN ĐÔNG: TƯƠNG LAI CỦA XUNG ĐỘT

ROBERT D. KAPLAN. **The South China Sea Is the Future of Conflict.** *Foreign Policy*. Sept/Oct, 2011.
http://www.foreignpolicy.com/articles/2011/08/15/the_south_china_sea_is_the_future_of_conflict

HỒ KIM SƠN
dịch

Lời BBT: Robert D. Kaplan là chuyên viên cao cấp của Trung tâm An ninh Mỹ (Center for a New American Security), thành viên Hội đồng Chính sách Quốc phòng thuộc Bộ Quốc phòng Mỹ, tác giả cuốn “Gió mùa: Ấn Độ Dương và tương lai quyền lực Mỹ” (Monsoon: The Indian Ocean and the Future of American Power), một cuốn sách có tiếng vang đáng kể sau khi xuất bản năm 2010 tại nhà xuất bản Random House, Inc...

Bài viết này là bài mới nhất của ông đăng trên tờ Foreign Policy, số tháng 9 và tháng 10 năm 2011.

Có thể quan điểm của Kaplan hơi cực đoan so với cái nhìn của tất cả các bên, kể cả phía Mỹ, bởi vậy một số nội dung trong bài viết cần thiết phải tranh luận. Tuy thế, từ lúc công bố đến nay, mới chỉ hơn bốn tháng mà bài viết đã gây được sự chú ý của giới nghiên cứu, giới quân sự và các nhà hoạt động xã hội ở khắp các diễn đàn liên quan tới tình hình biển Đông và châu Á.

Các nhà nghiên cứu ở ta không thể không biết bài này. Xin giới thiệu với bạn đọc.

Châu Âu là một địa cảnh (landscape); Đông Á là một hải cảnh (seascape). Ở đó ngọa tàng một mối khác biệt quan trọng giữa thế kỷ XX và thế kỷ XXI. Những khu vực tranh chấp gay gắt nhất của địa cầu trong thế kỷ vừa qua nằm trên lục địa khô ráo của châu Âu, đặc biệt là giữa bình nguyên mênh mông đã khiến cho biên giới Đông Tây của nước Đức trở thành giả tạo và trở mình dưới bước chân tàn khốc của nhiều đoàn quân chinh chiến. Nhưng qua khoảng thời gian mấy mươi năm, trực kinh tế

và dân cư của Trái Đất đã chuyển dịch một cách đáng kể sang phía bên kia của đại lục Âu-Á, nơi mà khoảng cách không gian giữa các trung tâm nhân khẩu chính phần lớn là biển.

Do cách địa lý soi rọi và sắp đặt thứ tự ưu tiên, những địa hình tự nhiên đặc thù này của Đông Á dự báo một thế kỷ hải quân. Ở đây khái niệm hải quân được dùng theo nghĩa rộng để bao gồm những đội hình chiến đấu cả trên không lẫn dưới biển, vốn ngày càng trở nên

khó tách rời. Tại sao? Trung Quốc – quốc gia đang tiến hành một công cuộc bành trướng hải quân không thể chối cãi được, đặc biệt là khi biên giới đất liền của họ đã an toàn hơn bất cứ lúc nào trong quá khứ, kể từ thời kỳ hưng thịnh nhất của nhà Thanh vào cuối thế kỷ XVIII. Chính bằng sức mạnh trên biển mà Trung Quốc sẽ xóa bỏ được tâm trạng bị ngoại quốc xâm lăng trong suốt hai thế kỷ ngay trên lãnh thổ của mình - và điều này buộc tất cả các nước xung quanh phải phản ứng.

Dụng độ quân sự trên đất liền và trên biển khác xa nhau với vọi, với những ý nghĩa quan trọng cho các đại chiến lược cần có để thắng – hoặc để tránh – cuộc chiến. Các trận chiến trên bộ lôi kéo cả thường dân vào cuộc, trên thực tế đã thúc đẩy vấn đề nhân quyền thành yếu tố nổi bật trong các công trình nghiên cứu về chiến tranh. Những cuộc chiến trên biển xem xung đột như một vấn đề phân tích lý thuyết và kỹ thuật, trên thực tế biến chiến tranh chỉ còn là một phép toán, trái ngược hẳn với những cuộc đấu trí vốn là đặc trưng của những cuộc xung đột trước kia.

Chiến tranh thế giới lần thứ II là cuộc đấu tranh mang tính đạo đức chống chủ nghĩa phát xít, một ý thức hệ phải chịu trách nhiệm về tội sát hại hàng chục triệu thường dân. Chiến tranh Lạnh là cuộc đấu tranh giữa hai ý thức hệ mà Hồng Quân đã dùng danh nghĩa để cai trị nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn. Thời hậu Chiến tranh Lạnh đã trở thành cuộc đấu tranh chống nạn diệt chủng tại vùng Balkan và Trung Phi, hai nơi mà chiến tranh trên bộ và tội ác chống lại nhân loại không thể tách rời. Gần đây hơn, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan đã kéo Hoa Kỳ

vào sâu trong vùng biên giới địa hình núi non của Afghanistan, nơi mà việc đối xử nhân đạo đối với hàng triệu thường dân là yếu tố quyết định sự thành công của cuộc chiến. Trong tất cả mọi nỗ lực này, chiến tranh và chính sách đối ngoại trở thành những vấn đề không chỉ dành riêng cho binh lính và giới ngoại giao mà còn là mối quan tâm cho cả giới hoạt động nhân đạo và trí thức. Thực vậy, hoạt động chống chiến tranh du kích thể hiện cực điểm của cái có thể xem là sự liên kết giữa binh lính và chuyên gia bảo vệ nhân quyền. Đây là kết quả của việc chiến tranh trên bộ phát triển thành chiến tranh toàn diện của thời hiện đại.

Đông Á, hay chính xác hơn là khu vực Tây Thái Bình Dương, đang nhanh chóng trở thành một trung tâm mới của hoạt động hải quân, báo trước một cục diện khác biệt cơ bản. Có lẽ sẽ có tương đối ít tình trạng tiến thoái lưỡng nan kiểu như những trường hợp chúng ta đã thấy trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, với ngoại lệ nổi bật nhưng khó xảy ra là chiến tranh trên bộ tại bán đảo Triều Tiên. Khu vực Tây Thái Bình Dương sẽ đưa vấn đề quân sự trở lại với phạm trù hạn hẹp của các chuyên gia quốc phòng. Điều này không phải chỉ vì chúng ta đang đối phó với một thế giới hải quân, trong đó không có sự hiện diện của thường dân. Nguyên do còn bắt nguồn từ bản chất của chính các nước tại Đông Á - giống Trung Quốc, tuy có thể rất độc tài nhưng trong phần lớn các trường hợp, lại không phải là tàn bạo hay quá độc ác.

Cuộc đấu tranh để giành thế thượng phong ở khu vực Tây Thái Bình Dương không nhất thiết phải bao gồm chiến tranh; phần lớn những gì xảy ra sẽ diễn

ra lạng lẽ và ở phía chân trời giữa biển cả mênh mông, với một nhịp độ chậm lừ đừ như băng trôi, phù hợp với tiến trình thích nghi từ từ, đều đặn với sức mạnh kinh tế và quân sự ưu việt mà các nước đã trải qua trong lịch sử. Chiến tranh không phải là tất yếu cho dù cạnh tranh là điều hiển nhiên. Và nếu Trung Quốc và Hoa Kỳ xử lý thành công cuộc chuyển giao sắp đến, thì châu Á, và cả thế giới, sẽ là một nơi an toàn và thịnh vượng hơn. Có gì có thể đạo đức hơn điều đó? Nên nhớ rằng: Chính chủ nghĩa hiện thực nhằm phục vụ lợi ích quốc gia - với mục đích là tránh chiến tranh - trong tiến trình lịch sử đã cứu nhiều mạng người hơn can thiệp nhân đạo.

Đông Á là một vùng mênh mông trải dài gần như từ Bắc Cực cho đến Nam Cực, từ quần đảo Kuril xuôi về phương nam cho đến New Zealand - và có đặc điểm là một chuỗi không liên các bờ biển tách biệt và những quần đảo dàn trải. Ngay cả khi tính đến chuyện khoa học kỹ thuật đã giảm đáng kể khoảng cách, bản thân biển cả vẫn là một rào cản cho việc xâm lấn, ít nhất là trong chừng mực mà đất liền không phải là rào cản. Khác với đất liền, biển tạo nên những biên giới xác định rõ ràng, khiến nó có tiềm năng giảm thiểu xung đột. Rồi phải xét đến vấn đề tốc độ. Ngay cả những tàu chiến nhanh nhất cũng di chuyển đối chậm, chẳng hạn 35 hải lý/giờ, làm giảm xác suất tính toán sai và giúp cho các nhà ngoại giao có thêm nhiều giờ - thậm chí nhiều ngày - để xem lại các quyết định. Hải quân và không quân không thể chiếm đóng lãnh thổ như cách của lục quân. Chính vì các vùng biển xung quanh Đông Á - trung tâm của hoạt động sản xuất toàn cầu cũng như chi tiêu mua sắm

quân sự ngày càng tăng - mà thế kỷ XXI có cơ may lớn hơn thế kỷ XX để tránh những cuộc đại xung đột quân sự.

Hiển nhiên, Đông Á cũng đã chứng kiến nhiều cuộc đụng độ quân sự trong thế kỷ XX mà biển cả chẳng thể ngăn cản được như: Chiến tranh Nga - Nhật; cuộc nội chiến gần nửa thế kỷ ở Trung Quốc đã dẫn đến sự sụp đổ dần dần của triều đại nhà Thanh; những cuộc xâm chiếm khác nhau của đế quốc Nhật Bản, theo sau là Chiến tranh thế giới lần thứ II ở Thái Bình Dương; Chiến tranh Triều Tiên; những cuộc chiến ở Campuchia và Lào; và hai cuộc chiến ở Việt Nam liên quan đến người Pháp và người Mỹ. Thực tế địa lý Đông Á chủ yếu là đại dương chẳng tạo được nhiều ảnh hưởng đối với những cuộc chiến mà bản chất là những xung đột để giải phóng quốc gia hoặc thống nhất các dân tộc này. Nhưng thời kỳ đó, nhìn chung đã trở thành quá khứ. Quân đội của các nước Đông Á, thay vì chỉ tập trung vào đất liền với những đơn vị lục quân có kỹ thuật thấp, giờ đây đang tập trung hướng ra đại dương với các lực lượng hải quân và không quân có kỹ thuật cao.

Về việc nhiều người đang so sánh Trung Quốc ngày nay với nước Đức trước Chiến tranh thế giới lần thứ I, đó là một điều sai lầm. Trong khi, nhờ vào địa lý của châu Âu, Đức trước đây chủ yếu là một cường quốc lục địa, Trung Quốc ngày nay chủ yếu sẽ là một cường quốc biển nhờ vào địa lý của Đông Á.

Đông Á có thể chia thành hai khu vực chính: Đông Bắc Á, bị chi phối bởi bán đảo Triều Tiên, và Đông Nam Á, bị chi phối bởi Biển Đông. Khu vực Đông Bắc Á phụ thuộc vào vận mạng của Bắc Triều Tiên, một nhà nước bị cô lập, theo

thể chế toàn trị có tương lai mờ mịt giữa một thế giới vận hành theo chủ nghĩa tư bản và truyền thông điện tử. Nếu Bắc Triều Tiên sụp đổ, các lực lượng lục quân của Hàn Quốc, Trung Quốc, và Hoa Kỳ sẽ lập tức đổ bộ lên nửa phía bắc của bán đảo này trong kế hoạch can thiệp nhân đạo có tầm vóc cực kỳ lớn, dẫn rằng họ chỉ cốt phân cắt những vùng ảnh hưởng cho chính mình. Lúc ấy các vấn đề về hải quân có thể là thứ yếu. Nhưng nếu cuối cùng Triều Tiên thực sự thống nhất thì các vấn đề hải quân sẽ trở nên quan trọng, với một Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản nằm trong tình trạng cân bằng mong manh, bị chia cách bởi biển Nhật Bản, Hoàng Hải và Bột Hải. Tuy nhiên, vì Bắc Triều Tiên vẫn còn tồn tại, giai đoạn Chiến tranh Lạnh của lịch sử Đông Bắc Á chưa hoàn toàn chấm dứt và sức mạnh trên đất liền vẫn là yếu tố thống trị trước khi quyền lực biển thay thế.

Trái lại, khu vực Đông Nam Á đã nằm sâu trong giai đoạn hậu Chiến-tranh Lạnh của lịch sử. Việt Nam, chi phối bờ phía tây của Biển Đông, đang tìm kiếm các mối quan hệ quân sự gần gũi hơn với Hoa Kỳ. Trung Quốc, được Mao Trạch Đông củng cố thành một nhà nước mang tính triều đại sau nhiều thập kỷ hỗn loạn, và đã trở nên một nền kinh tế năng động nhất thế giới nhờ vào các chính sách khai phóng của Đặng Tiểu Bình, nay đang hối hả đưa lực lượng hải quân của mình vươn ra khu vực được mệnh danh là "chuỗi đảo thứ nhất" ở Tây Thái Bình Dương. Quốc gia Hồi giáo Indonesia, sau khi trải qua nhiều gian khổ nhưng cuối cùng đã chấm dứt được chế độ quân sự kéo dài hàng thập kỷ, sẵn sàng nổi lên như một Ấn Độ thứ hai: một nền dân chủ sống

động và ổn định với tiềm năng phôi trương quyền lực nhờ sức mạnh kinh tế đang phát triển của mình. Singapore và Malaysia cũng đang tiến nhanh về kinh tế, quyết tâm xây dựng mô hình "nhà nước đô thị và nhà nước thương mại" và bằng các phương thức pha trộn khác nhau giữa dân chủ và toàn trị.

Bức tranh kết hợp là hình ảnh của một cụm các quốc gia - với các vấn đề liên quan đến tính chính thống nội bộ và việc kiến thiết quốc gia đã được giải quyết - đang sẵn sàng xúc tiến những quyền lợi lãnh thổ họ tự khẳng định nằm ngoài thêm lục địa của mình. Lực đẩy tổng hợp ra biển khơi này nằm trong vùng tranh chấp dân số của địa cầu, vì chính Đông Nam Á, với 615 triệu người, là nơi 1,3 tỉ dân của Trung Quốc hội tụ với 1,5 tỉ người của tiểu lục địa Ấn Độ. Nơi gặp nhau về mặt địa lý của những nước này và quân đội của họ là trên biển: Biển Đông.

Biển Đông nối liền các quốc gia Đông Nam Á với Tây Thái Bình Dương, có chức năng như nút cổ chai của các tuyến đường biển toàn cầu. Đây là trung tâm hàng hải của Âu - Á, được ngắt quãng bằng các eo biển Malacca, Sunda, Lombok, và Makassar. Hơn phân nửa trọng tải tàu thương mại hàng năm của thế giới đi qua nút thắt chặt hẹp này, và một phần ba của toàn bộ lưu lượng giao thông đường biển qua đây. Lượng dầu hỏa vận chuyển từ Ấn Độ Dương qua Eo Malacca, trên đường đi lên vùng Đông Á qua Biển Đông, gấp hơn sáu lần lượng dầu hỏa vận chuyển qua Kênh Suez và gấp 17 lượng dầu hỏa vận chuyển qua Kênh Panama. Khoảng hai phần ba nguồn cung cấp năng lượng của Hàn Quốc, gần 60% nguồn cung cấp năng lượng của Nhật Bản và Đài Loan,

cũng như khoảng 80% lượng dầu thô nhập khẩu của Trung Quốc được vận chuyển qua Biển Đông. Hơn nữa, Biển Đông đã được xác nhận có trữ lượng dầu hỏa khoảng 7 tỷ thùng và được ước tính có khoảng 900 nghìn tỷ feet khối khí tự nhiên, một tiềm năng khổng lồ.

Những yếu tố hứa hẹn mang lại tầm quan trọng địa chiến lược cho Biển Đông không phải chỉ là vị trí địa lý và nguồn dự trữ năng lượng mà còn bao gồm những cuộc tranh chấp lãnh thổ tàn khốc đã vây quanh vùng biển này từ lâu. Một số tranh chấp liên quan đến quần đảo Trường Sa, một quần đảo nhỏ nằm ở phía đông nam Biển Đông. Việt Nam, Đài Loan, và Trung Quốc đều tuyên bố chủ quyền trên toàn bộ hay phần lớn Biển Đông, cũng như toàn bộ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đặc biệt là Bắc Kinh đã khẳng định một đường ranh lịch sử: Họ tuyên bố chủ quyền trên vùng trung tâm của Biển Đông nằm trong một vòng đai lớn (thường được gọi là đường "lưỡi bò") bắt đầu từ đảo Hải Nam của Trung Quốc ngay tại miền cực bắc của Biển Đông trải dài hơn 1.200 dặm về phương nam xuống tận gần Singapore và Malaysia.

Kết quả là tất cả chín quốc gia tiếp giáp với Biển Đông hầu như cùng dàn trận chống lại Trung Quốc, do đó đều phải dựa vào Hoa Kỳ để được hỗ trợ về ngoại giao và quân sự. Những tuyên bố chủ quyền mâu thuẫn này chắc chắn sẽ trở nên gay gắt hơn khi nhu cầu năng lượng leo thang ở châu Á - tiêu thụ năng lượng được dự đoán sẽ tăng gấp đôi vào năm 2030, và Trung Quốc sẽ chiếm một nửa mức tăng trưởng đó - khiến Biển Đông trở thành một nguồn bảo đảm trọng yếu hơn bao giờ hết cho sức mạnh kinh tế của toàn khu vực. Thực thế,

Biển Đông đã ngày càng trở thành một trại vũ trang khi mà các bên tranh chấp đang tăng cường và hiện đại hoá lực lượng hải quân của mình, ngay cả khi việc tranh giành hải đảo và các dải đá ngầm trong những thập kỷ gần đây hầu như đã chấm dứt. Cho đến hiện tại, Trung Quốc đã chiếm giữ 12 vị trí địa lý, Đài Loan: 1, Việt Nam: 25, Philippines: 8, và Malaysia: 5.

Chính địa lý của Trung Quốc đã định vị nước này theo hướng Biển Đông. Trung Quốc nhìn về hướng nam tới một vùng biển được định hình, theo chiều kim đồng hồ, bởi Đài Loan, Philippines, đảo Borneo được phân tách giữa Malaysia và Indonesia (cũng như quốc gia nhỏ bé Brunei), và bờ biển dài ngoằn ngoèo của Việt Nam: tất cả đều là nước yếu, so với Trung Quốc. Giống như biển Caribe, bị chia cắt bởi nhiều đảo quốc nhỏ và bao quanh bởi Mỹ có kích thước bằng cả lục địa, Biển Đông là một đấu trường hãn nhiên để phô trương sức mạnh của Trung Quốc.

Thật vậy, trên nhiều phương diện, vị trí của Trung Quốc ở đây giống như vị trí của Hoa Kỳ đối với biển Caribe, cũng có kích thước tương tự, trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Hoa Kỳ công nhận sự hiện diện và đòi hỏi của các cường quốc châu Âu tại Caribe, nhưng vẫn tìm cách thống trị khu vực này. Chính cuộc chiến tranh giữa Tây Ban Nha và Hoa Kỳ vào năm 1898 và việc đào Kênh Panama từ 1904 đến 1914 đã đánh dấu việc Hoa Kỳ trở thành cường quốc thế giới. Hơn nữa, việc thống trị đại lưu vực Caribe đã mang lại cho Hoa Kỳ khả năng kiểm soát hiệu quả vùng Tây bán cầu và cho phép họ tạo ảnh hưởng đến cán cân quyền lực tại Đông bán cầu. Và ngày nay, Trung Quốc

cũng phát hiện ra mình ở trong một tình thế tương tự tại Biển Đông, một tiền sảnh dẫn vào Ấn Độ Dương, nơi Trung Quốc mong muốn cũng có hải quân hiện diện để bảo vệ nguồn cung cấp năng lượng từ Trung Đông của mình.

Tuy nhiên, còn có một nguyên nhân sâu xa hơn và cảm tính hơn yếu tố địa lý đang hối thúc Trung Quốc tiến về Biển Đông và vươn ra ngoài Thái Bình Dương: đó là việc chính Trung Quốc bị các cường quốc phương Tây chia cắt một phần trong quá khứ tương đối gần đây, sau khi đã là một cường quốc vĩ đại và một nền văn minh lớn của thế giới trong mấy ngàn năm.

Trong thế kỷ thứ XIX, khi triều đại nhà Thanh trở thành con bệnh của Đông Á, Trung Quốc bị mất phần lớn lãnh thổ về tay Anh, Pháp, Nhật và Nga. Thế kỷ XX chứng kiến những vụ chiếm đoạt đẫm máu của Nhật Bản tại bán đảo Sơn Đông và Mãn Châu. Đầu chỉ có những sự kiện này; Trung Quốc còn chịu bao nhục nhã ê chề do các thỏa thuận đặc quyền ngoại giao trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, qua đó các nước phương Tây giành giật quyền kiểm soát một số phần của các thành phố Trung Quốc – những nơi được mệnh danh là "cửa khẩu thông thương". Như sử gia Johnathan D. Spence của Đại học Yale thuật lại trong tác phẩm *Đi tìm Trung Quốc hiện đại (The Search for Modern China)*, vào khoảng năm 1938, tình trạng cướp phá này cùng với trận nội chiến của Trung Quốc đã tạo nên một nỗi lo sợ tiềm tàng "rằng Trung Quốc sắp bị chia cắt, rằng nó sẽ không còn tồn tại như một quốc gia, và rằng lịch sử bốn ngàn năm của nó sẽ đột ngột kết thúc". Nỗi khát khao bành trướng của Trung Quốc là lời tuyên bố rằng họ vĩnh

viễn chẳng bao giờ có ý định để người ngoại quốc lợi dụng mình thêm một lần nào nữa.

Giống như lãnh thổ của nước Đức đã cấu thành tiền tuyến quân sự cho Chiến tranh Lạnh, những vùng nước của Biển Đông cũng có thể cấu thành tiền tuyến quân sự cho những thập niên sắp tới. Khi hải quân Trung Quốc trở nên hùng mạnh hơn và khi tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc trên Biển Đông xung đột với những tuyên bố chủ quyền của các quốc gia ven biển khác trong vùng, các quốc gia này buộc phải tăng cường năng lực hải quân của họ. Họ cũng sẽ giữ thế cân bằng với Trung Quốc bằng cách dựa nhiều hơn vào Hải quân Hoa Kỳ, một lực lượng mà sức mạnh, có lẽ đã đạt đến đỉnh cao, xét về tương đối, ngay cả khi Hoa Kỳ đã chuyển hướng khá nhiều nguồn lực đến vùng Trung Đông. Tính đa cực toàn cầu đã là một đặc điểm trong ngoại giao và kinh tế, nhưng Biển Đông sẽ cho chúng ta thấy tính đa cực thực sự nghĩa là gì trong quân sự.

Mặt trận mới này chẳng có gì lãng mạn cả, cho dù nó không có những cuộc đấu tranh mang tính đạo đức. Trong các cuộc xung đột hải quân, trừ phi có pháo kích vào bờ, thực chất không hề có nạn nhân; và cũng chẳng có kẻ thù triết lý nào để đối đầu. Có thể sẽ không xảy ra chuyện gì cỡ như thanh trừng sắc tộc trong vũ đài xung đột trung tâm này. Tuy vẫn còn những người đối lập chịu đau khổ, Trung Quốc chưa tới mức để được xem là mục tiêu bị phản nộ về đạo đức. Chế độ Trung Quốc thể hiện chủ nghĩa độc tài chuyên chế chỉ ở mức độ thấp, với một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và chẳng có là bao ý thức hệ cai trị để bàn tới. Hơn nữa, Trung Quốc có thể trở thành một xã hội mở, chứ không

khép kín trong tương lai. Thay vì chủ nghĩa phát xít hay chủ nghĩa quân phiệt, Trung Quốc, cùng với những nước khác ở Đông Á, ngày càng được đặc trưng bởi tính bền bỉ của chủ nghĩa dân tộc kiểu cũ: đương nhiên là một quan niệm, nhưng không còn hấp dẫn đối với giới trí thức kể từ giữa thế kỷ XIX. Và ngay cả khi Trung Quốc trở nên dân chủ hơn, chủ nghĩa dân tộc của họ có thể chỉ càng tăng mạnh hơn, như có thể thấy rõ nếu chỉ cần điểm sơ qua các quan điểm của những công dân mạng tương đối được tự do của họ.

Chúng ta thường nghĩ về chủ nghĩa dân tộc như một thứ tình cảm phản động, một tàn tích của thế kỷ XIX. Tuy nhiên, chính chủ nghĩa dân tộc truyền thống là yếu tố chủ chốt đang thúc đẩy chính trị ở châu Á, và sẽ tiếp tục là như thế trong tương lai. Chủ nghĩa dân tộc đó đang ngang nhiên dẫn đến sự tăng cường quân sự trong khu vực - đặc biệt là các lực lượng hải quân và không quân - để bảo vệ chủ quyền và tuyên bố chủ quyền đối với những tài nguyên thiên nhiên bị tranh chấp. Ở đây chẳng hề có một sự quyến rũ triết lý nào cả. Chỉ là logic lạnh lùng của cán cân quyền lực. Ở mức độ mà chủ nghĩa hiện thực vô cảm, được liên kết với chủ nghĩa dân tộc, có một ngôi nhà địa lý chung, thì đó chính là Biển Đông.

Bởi thế bất cứ vở kịch đạo đức nào diễn ra ở Đông Á cũng phải mang sắc thái chính trị quyền lực khát khe thuộc loại sẽ khiến nhiều trí thức và ký giả chết lặng. Như Thucydides đã trình bày một cách rất đáng nhớ qua câu chuyện kể về cuộc chinh phục hải đảo Melos của người Athen thời cổ: "Kẻ mạnh làm những gì có thể làm và kẻ yếu phải chịu đựng những gì họ phải chịu đựng".

Trong câu chuyện tái diễn ở thế kỷ XXI, với Trung Quốc đóng vai người Athen nắm giữ quyền lực trên biển vượt trội trong khu vực, kẻ yếu vẫn phải khuất phục - và chỉ có thể mà thôi. Đây sẽ là chiến lược ngầm của Trung Quốc, nhưng các quốc gia nhỏ hơn tại Đông Nam Á rất có thể sẽ đi cùng Hoa Kỳ để tránh số phận như người Melos. Nhưng sẽ không có cảnh tan xương nát thịt.

Biển Đông dự báo một hình thức xung đột khác hẳn với những gì mà chúng ta đã từng thấy. Từ đầu thế kỷ XX, những cuộc chiến tranh đồ sộ trên đất liền theo quy ước ở bên này, cũng như những trận đụng độ bắn thủ, nhỏ và không theo quy ước ở bên kia đã mang lại cho chúng ta lắm điều khôn khổ. Bởi vì cả hai loại chiến tranh này đều tạo ra nhiều số thương vong lớn cho thường dân nên chiến tranh đã trở thành một đề tài nghiên cứu cho giới hoạt động nhân đạo cũng như giới tướng lĩnh quân sự. Nhưng trong tương lai chắc có lẽ chúng ta sẽ được chứng kiến một hình thức xung đột thuần túy hơn, chỉ nằm gọn trong lĩnh vực hải quân. Đây là một kịch bản tích cực. Không thể loại trừ hoàn toàn xung đột khởi thế gian. Trong cuốn *Những luận thuật về Livy (Discourses on Livy)* của Machiavelli, có một chủ đề cho rằng xung đột, nếu được kiểm soát thích đáng, có nhiều khả năng mang lại tiến bộ cho nhân loại hơn là ổn định cứng nhắc. Một vùng biển hội tụ đông đúc các loại chiến hạm không mâu thuẫn gì với một kỷ nguyên có nhiều hứa hẹn lớn lao cho châu Á. Tình trạng bất an sinh ra tính năng động.

Nhưng liệu xung đột tại Biển Đông có thể được kiểm soát đúng mức hay không? Lập luận của tôi cho tới hiện

thời giả định rằng chiến tranh với quy mô lớn sẽ không bùng nổ tại khu vực này và thay vào đó các nước sẽ hài lòng với việc xoay sở để giành vị thế bằng chiến hạm trên biển, trong khi vẫn cứ đưa ra tuyên bố chủ quyền đối với tài nguyên thiên nhiên, và có lẽ còn thỏa thuận một cách phân phối công bằng những nguồn tài nguyên này nữa. Nhưng nếu Trung Quốc, bất chấp mọi xu hướng có cơ sở bằng chứng, xâm lược Đài Loan thì sao? Và chuyện gì sẽ xảy ra nếu Trung Quốc và Việt Nam, hai kình địch truyền kiếp, lại phát động chiến tranh như họ đã làm hồi năm 1979, nhưng lần này với kho vũ khí trí mạng hơn? Bởi vì không phải chỉ riêng Trung Quốc, các quốc gia Đông Nam Á cũng đang mạnh tay xây dựng quân đội của mình. Trong thập kỷ vừa qua, ngân sách quốc phòng của họ đã gia tăng khoảng một phần ba, trong khi ngân sách quốc phòng của các nước châu Âu đã giảm. Từ năm 2000, Indonesia, Singapore, và Malaysia đã gia tăng lượng nhập khẩu vũ khí, theo thứ tự tương ứng, là 84%, 146%, và 722%. Chi phí này được dùng để tăng cường các cơ sở hải quân và không quân: chiến hạm nổi, tàu ngầm có trang bị hệ thống tên lửa hiện đại, và máy bay chiến đấu tầm xa. Việt Nam mới đây đã chi 2 tỷ USD để mua sáu chiếc tàu ngầm lớp Kilo tiên tiến nhất của Nga, và 1 tỷ USD để mua chiến đấu cơ phản lực cũng của Nga. Malaysia vừa đưa vào hoạt động một căn cứ tàu ngầm trên đảo Borneo. Hoa Kỳ, dù vướng bận với hai cuộc chiến trên đất liền ở vùng Trung Đông rộng lớn, đang âm thầm di chuyển quyền lực quân sự từ châu Âu sang châu Á.

Hoa Kỳ hiện tại bảo đảm hiện trạng rối rắm ở Biển Đông, giữ cho sự xâm lấn

của Trung Quốc bị hạn chế chủ yếu trên bản đồ của họ và đóng vai trò kìm hãm đối với giới ngoại giao và hải quân của Trung Quốc (mặc dù như vậy không phải để nói rằng Hoa Kỳ là trong sáng trong hành động và Trung Quốc đương nhiên là kẻ ác). Những gì Hoa Kỳ cung cấp cho các quốc gia trong khu vực Biển Đông là sức mạnh thô (cơ bắp) chứ không hẳn là giá trị dân chủ. Chính sự cân bằng quyền lực giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc cuối cùng đã giữ cho Việt Nam, Đài Loan, Philippines, Indonesia, Singapore và Malaysia được tự do, có thể buộc hai cường quốc kình giữ nhau. Và trong khoảng không gian tự do đó, chủ nghĩa khu vực có thể nổi lên để tự thân nó là một quyền lực, dưới dạng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Tuy nhiên, quyền tự do này không thể xem là chuyện đương nhiên. Bởi thế cân bằng tiếp tục căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc – bao trùm một loạt vấn đề từ thương mại tới cải cách tiền tệ, từ an ninh mạng tới do thám tình báo – có nguy cơ rất cao sẽ chuyển hướng có lợi cho Trung Quốc ở Đông Á, chủ yếu là do vị trí địa lý trọng tâm của Trung Quốc đối với khu vực này.

Bản tổng kết toàn diện nhất về tình hình địa chính trị mới của châu Á không xuất phát từ Washington hay Bắc Kinh mà từ Canberra. Trong bài báo dài 74 trang được xuất bản hồi năm ngoái dưới tựa đề "Chuyển dịch quyền lực: Tương lai Australia giữa Washington và Bắc Kinh" (Power Shift: Australia's Future Between Washington and Beijing), Hugh White, giáo sư nghiên cứu chiến lược tại Đại học quốc gia Australia, đã mô tả tổ quốc mình là một cường quốc "hiện trạng" điển hình - một cường quốc chỉ muốn tình hình ở châu Á được duy

trì y nguyên như hiện trạng bằng mọi cách, nghĩa là Trung Quốc vẫn tiếp tục phát triển để Australia có thể giao thương ngày càng nhiều hơn với họ, trong khi Hoa Kỳ vẫn là "cường quốc mạnh nhất ở châu Á" để làm "kẻ bảo vệ tối hậu" cho Australia. Tuy nhiên, như lời giáo sư White viết, vấn đề là cả hai chuyện này không thể kéo dài mãi. Châu Á không thể tiếp tục thay đổi về kinh tế mà không thay đổi về chính trị và chiến lược; guồng máy kinh tế khổng lồ của Trung Quốc tự nhiên là sẽ không hài lòng với ưu thế quân sự của Hoa Kỳ tại châu Á.

Trung Quốc muốn gì? Giáo sư White khẳng định rằng Trung Quốc có tham vọng muốn trở thành một đế quốc kiểu mới tại châu Á giống như kiểu mà Hoa Kỳ đã thiết lập ở Tây Bán Cầu, sau khi Washington đã nắm vững quyền thống trị toàn bộ vùng biển Caribbe (như Bắc Kinh hy vọng sẽ thống trị được toàn bộ Biển Đông). Đế quốc kiểu mới này, theo diễn giải của giáo sư White, có nghĩa là các nước láng giềng của Hoa Kỳ "ít nhiều vẫn được tự do quản trị đất nước mình", ngay cả khi Washington kiên trì khẳng định rằng quan điểm của Hoa Kỳ phải được "xem xét đầy đủ" và giữ địa vị ưu tiên so với quan điểm của các cường quốc bên ngoài khu vực. Chướng ngại của mô hình này là, Nhật Bản chắc chắn sẽ không chấp nhận quyền bá chủ của Trung Quốc, cho dù nó mềm đến mức nào. Điều đó có nghĩa là chỉ còn lại mô hình *Hòa tấu châu Âu* (Concert of Europe model), trong đó Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hoa Kỳ và có lẽ thêm một hoặc hai quốc gia khác nữa sẽ ngồi vào bàn hội nghị của các cường quốc châu Á với tư cách bình đẳng. Nhưng vì Hoa Kỳ đã liên kết nền thịnh vượng và

ổn định của châu Á với tính ưu việt của mình, liệu họ có chấp nhận vai trò khiêm tốn như thế không? Giáo sư White đề xuất rằng trong tình trạng Trung Quốc đang trỗi dậy, từ nay về sau, vai trò thống trị của Hoa Kỳ có lẽ lại mang hàm ý bất ổn định cho châu Á.

Vai trò thống trị của Hoa Kỳ được xác định trên quan niệm cho rằng vì Trung Quốc là một chế độ độc tài trong nước nên sẽ hành động theo cách "không thể chấp nhận được tại nước ngoài". Nhưng cũng có thể điều đó không phải là vậy, giáo sư White lập luận. Trung Quốc tự nhận là một cường quốc ôn hòa, không có ý đồ bá quyền - một cường quốc không bao giờ can thiệp vào triết lý nội bộ của các quốc gia khác như Hoa Kỳ vẫn làm với lối đạo đức lằng xằng lo chuyện thiên hạ của họ. Bởi vì Trung Quốc tự xem mình là một "vương quốc trung tâm", nên tảng thống trị của họ là vị trí trung tâm cố hữu trong dòng lịch sử thế giới, chứ không phải là bất kỳ kiểu chế độ nào mà họ muốn xuất khẩu.

Nói cách khác, Hoa Kỳ, chứ không phải Trung Quốc, có thể là vấn đề trong tương lai. Có lẽ chúng ta thực sự quan tâm quá nhiều về bản chất nội tại của chế độ Trung Quốc và tìm cách hạn chế quyền lực của Trung Quốc tại hải ngoại chỉ vì chúng ta không thích các chính sách đối nội của họ. Thay vào đó, mục tiêu của Mỹ ở châu Á nên là giữ thế cân bằng chứ không nên là thống trị. Chính bởi vì quyền lực cứng vẫn là chìa khóa trong các mối quan hệ quốc tế mà chúng ta phải nhường chỗ cho một Trung Quốc đang lên. Hoa Kỳ không cần phải tăng cường sức mạnh hải quân ở Tây Thái Bình Dương, nhưng cũng không thể giảm đáng kể sức mạnh này.

Việc giảm bớt một đội tiêm kích từ hàng không mẫu hạm Hoa Kỳ ở Tây Thái Bình Dương do cắt giảm ngân sách hay tái triển khai sang Trung Đông có thể gây nên những thảo luận căng thẳng trong khu vực về sự suy tàn của Hoa Kỳ, và từ đó dẫn tới nhu cầu cần phải làm lành và thỏa thuận bên lề với Bắc Kinh. Hoàn cảnh tối ưu là duy trì sự hiện diện của hải quân và không quân Hoa Kỳ ở mức độ ngang ngửa hiện tại, ngay cả khi Hoa Kỳ phải làm hết sức mình để thiết lập một mối quan hệ thân mật và có thể đoán định được với Trung Quốc. Bằng cách đó, Hoa Kỳ có thể thích nghi dần dần với hải quân nước xanh (blue-water navy) của Trung Quốc. Trong quan hệ quốc tế, đứng sau mọi vấn đề đạo đức là vấn đề quyền lực. Can thiệp nhân đạo tại khu vực Balkan

sở dĩ thực hiện được là vì chế độ Serbia suy yếu, không giống như chế độ Nga, cũng phạm các tội ác có tầm mức tương tự tại Chechnya nhưng phương Tây chẳng làm gì cả. Trong những thập kỷ tới, tại Tây Thái Bình Dương, đạo đức có thể đồng nghĩa với việc từ bỏ một số lý tưởng mà chúng ta trân quý nhất để kiến tạo ổn định. Chúng ta có thể làm gì khác hơn để nhường chỗ cho một Trung Quốc theo thể chế chuẩn-toàn-trị (quasi-authoritarian) trong khi quân đội của họ không ngừng bành trướng? Thông thường chính bản thân cán cân quyền lực, thậm chí hơn cả những giá trị dân chủ của phương Tây, mới là yếu tố bảo vệ tự do tốt nhất. Đó cũng sẽ là bài học của Biển Đông trong thế kỷ XXI - một bài học khác nữa mà những người theo chủ nghĩa lý tưởng không muốn nghe.

(Tiếp theo trang 23)

19. Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 7/7/2003 của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã (kèm theo Quy chế).
http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=21478
20. Hội Nhà báo Việt Nam. Các văn bản của Đảng, Nhà nước về Dân chủ ở cơ sở. H.: Chính trị Quốc gia, 2004.
21. Báo cáo của Hà Nội về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại Hội nghị toàn quốc sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 30, ngày 4/3/2002.
22. Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh Thừa Thiên Huế tại Hội nghị toàn quốc sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 30, ngày 4/3/2002.
23. Chu Nga. Quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân còn gặp không ít khó khăn.
<http://www.baomoi.com/Home/ThoiSu/daidoanket.vn/Quy-en-lam-chu-truc-tiep-cua-nhan-dan-con-gap-khong-it-kho-khan/5982339.epi>, ngày 23/5/2011.